TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 3 năm 2025
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Ngọc Tuấn;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;
Bà Nguyễn Thị Phẩm.
- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa: Ông K Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2024 về việc *"tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST- HNGĐ ngày 12/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1987,
ĐKHKTT: tổ 33, khu 4, A, V, P.
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1991,
ĐKHKTT: tổ 33, khu 4, A, V, P.
Hiện nay đang ở nước ngoài.
(Chị L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Văn B tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 04/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh D. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Sau đó một thời gian anh B đi nước ngoài sinh sống, làm việc. Từ khi anh B đi nước ngoài đến nay tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa anh chị càng trở nên trầm trọng. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không thể hàn gắn được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: chị Phạm Thị L xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Nhật K, sinh ngày 06/8/2015 và cháu Nguyễn

Ngọc Minh C, sinh ngày 28/7/2019. Sau khi ly hôn chị L đề nghị Tòa án giao cháu K và cháu C cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị L yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị với số tiền là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng)/01 con/01 tháng cho đến khi các con chung thành niên. Tại đơn đề nghị ngày 15/01/2025 chị L đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là về cấp dưỡng nuôi con: chị L tự nguyện không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị. Ngoài ra những yêu cầu khởi kiện khác chị vẫn giữ nguyên.

Về tài sản chung vợ chồng: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị Phạm Thị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn và các chi phí tố tụng khác: chị Phạm Thị L xin tự nguyện chịu toàn bộ.

Chị Phạm Thị L trình bày hiện nay chị không biết địa chỉ cụ thể của anh B ở nước ngoài nên chị không thể cung cấp địa chỉ của anh B cho Tòa án được. Chị L đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh B ở nước ngoài thông qua mẹ đẻ của anh B là bà Đỗ Thị Loan.

Thân nhân của anh Nguyễn Văn B - bà Đỗ Thị Loan trình bày: bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn B, anh B hiện nay đang ở nước ngoài (Nhật Bản). Hiện tại bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh B qua điện thoại nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của anh B ở chỗ nào tại nước ngoài vì anh B không nói cho bà biết. Do vậy, bà Loan không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh B cho Tòa án được. Bà Loan cũng đã nhận và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh B biết và được anh B nói lại với bà là anh B đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị L theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Viện kiểm sát đề nghị về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn B. Về con chung: giao cháu Nguyễn Nhật K, sinh ngày 06/8/2015 và cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 28/7/2019 cho chị Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị L. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: không đặt ra giải quyết. Về án phí: chị Phạm Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Phạm Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn B. Trong đơn xin ly hôn, chị L trình bày hiện anh B đang ở nước ngoài. Tại văn bản số 1216/QLXNC-Đ1 ngày 14/10/2024 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh P đã xác nhận anh B đã xuất cảnh và hiện chưa nhập cảnh về Việt Nam. Căn cứ

khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Trong vụ án này anh B đang ở nước ngoài, chị L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn ngày 04/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh D. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị L và anh B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng xa nhau và bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Chị L khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Anh Nguyễn Văn B hiện nay đang ở nước ngoài, chị Phạm Thị L chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh Nguyễn Văn B ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh B ở nước ngoài cho Tòa án. Theo yêu cầu của chị L, Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh B ở nước ngoài thông qua mẹ đẻ của anh B là bà Đỗ Thị Loan.

Mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn B - bà Đỗ Thị Loan cung cấp thông tin như sau: hiện tại bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh B nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của anh B ở nước ngoài vì anh B không nói cho bà được biết. Do vậy, bà Loan không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh B cho Tòa án được. Bà Loan cũng nhất trí nhận thay anh B các văn bản tố tụng và thông báo về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh B biết. Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán - Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng chị L và anh B đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống ly thân đã một thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn B là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của chị L được chấp nhận.

- Về con chung: từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định chị L và anh B có 02 con chung là cháu Nguyễn Nhật K, sinh ngày 06/8/2015 và cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 28/7/2019. Sau khi ly hôn chị L đề nghị Tòa án giao cháu K và cháu C cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy: anh B hiện đang ở nước ngoài, các con chung hiện đang được chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh B không có văn bản trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Tại đơn trình bày nguyện vọng của mình cháu K thể hiện có mong muốn được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, để đảm bảo cho các con chung của chị L và anh B được phát triển một cách đầy đủ và tốt nhất cần giao

cả hai cháu K và cháu C cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi chị L và anh B ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con: đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị L do chị L đã có đơn rút yêu cầu về vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung vợ chồng: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị Phạm Thị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí ly hôn: chị Phạm Thị L xin tự nguyện chịu toàn bộ.

[3] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

[2] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cho chị Phạm Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật K, sinh ngày 06/8/2015 và cháu Nguyễn Ngọc Minh C, sinh ngày 28/7/2019.

Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu cấp dưỡng của chị L, không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Phạm Thị L (do chị Lê Thị Thanh Hằng nộp thay) đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000412 ngày 29/10/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh P.

[6] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: chị Phạm Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của anh Nguyễn Văn B là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a,7b và Điều 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Ngọc Tuấn